TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2025/DS-PT
Ngày 28/03/2025
"V/v Tranh chấp thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Dũng

Bà Hồ Thị Tuyết Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Chúc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 679/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp thừa kế"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 307/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Phòng 202, số 26/15 T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Sỹ K; Địa chỉ: Số 12 T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

-*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 56/31/5 T, khu vực 1, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: số 70 T1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Châu Thanh B – Công ty Luật TNHH MTV Hòa Bình Minh; Địa chỉ: Số 114A C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1.Bà Tăng Ngọc B; Địa chỉ: Số 56/28 T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

2.Bà Nguyễn Thị Ngọc H; Địa chỉ: Số 57 M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc H: Ông Nguyễn Thanh H; Địa chỉ: Số 56/31/5A T, khu vực 1, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.Ông Nguyễn Thanh H; Địa chỉ: Số 56/31/5A T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

4.Bà Nguyễn Thị Thanh T; Địa chỉ: Số 56/31/5A T, khu vực 1, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

5.Ông Nguyễn Văn S; Địa chỉ: Số 11/3 Xóm Chiếu, Phường 16, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S: Bà Nguyễn Sỹ K; Địa chỉ: Số 12 Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, quận N, thành phố Cần Thơ.

6.Ông Nguyễn Văn D (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn D:

- Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 56/31/5, đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 331/4A, đường Gia Phú, Phường 1, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

7.Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

Địa chỉ: Số 02 Đ, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* *1.Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn.*

2.Bà Nguyễn Thị Ngọc C là bị đơn.

3.Ông Nguyễn Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Sỹ K trình bày và yêu cầu:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại, tài sản là căn nhà và đất tại số 56/31/5 đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn yêu cầu được hưởng một suất thừa kế theo pháp luật và yêu cầu được nhận giá trị. Vì nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà B, bà H, bà T, ông S, ông Dũng cho rằng căn nhà và đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 65, diện tích 31,2 m², tọa lạc tại địa chỉ số 56/31/5 đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn

Văn T và bà Nguyễn Thị Y. Ông bà chết không để lại di chúc. Cụ thể: ông Nguyễn Văn T (chết 1975) và bà Nguyễn Thị Y (chết ngày 16/12/2003). Ông bà có 09 người con chung gồm: 1). Nguyễn Thị Ngọc L (chết năm 2011, chồng bà L cũng đã chết) có 01 con là Tăng Ngọc B; 2). Nguyễn Thị Ngọc N (chết năm 2018, chồng bà N chết năm 1975) có 02 người con gồm: Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thanh H; 3). Nguyễn Văn S1 chết lúc nhỏ chưa có vợ con; 4). Nguyễn Thị Ngọc A (chết năm 1973, chồng bà A chết năm 1975) có 01 con là Nguyễn Thị Thanh T; 5). Nguyễn Văn Côn chết trước năm 1975 chưa có vợ con; 6). Nguyễn Văn S; 7). Nguyễn Thị H; 8). Nguyễn Thị Ngọc C; 9). Nguyễn Văn D. Nguyên đơn cho rằng căn nhà và đất trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu của những hàng thừa kế gồm các anh chị em và cháu của nguyên đơn vì cha mẹ chết không để lại di chúc và bà Y (Mẹ ruột của anh chị em nguyên đơn và bị đơn) không tặng cho bà C nhà và đất nhưng bà C (em của bà) tự ý đăng ký quyền sử dụng đất dựa vào Tờ thỏa thuận được quyền sửa nhà và đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận ngày 12/7/2004 là không phù hợp. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với tài sản nêu trên.

Đối với Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư V số 0324/22/CT-VNJP ngày 24/3/2022 phía nguyên đơn thống nhất và không yêu cầu định giá lại.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Châu Thanh B trình bày:*

Sau năm 1975, ông Nguyễn Văn T (Ba của bà C) mất thì bà C có mua của những người bỏ về quê phần đất hiện tại đang tranh chấp với giá 01 chỉ vàng (hiện tại không biết người bán làm gì và ở đâu) để cất nhà lá ở cùng gia đình, nay là căn nhà tại địa chỉ số 56/31/5 đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ. Đến năm 1999 trong nhà chỉ có em bà C là ông Nguyễn Văn D ở cùng mẹ và bà C. Theo sự thỏa thuận với bà Y và ông Dũng cho bà C ngôi nhà nên bà C bỏ tiền ra cất mới ngôi nhà, sửa chữa nhiều lần mới được ngôi nhà hôm nay. Do bà C nuôi dưỡng mẹ già nên đã được bà Y cho ngôi nhà này. Đến năm 2004 khi có đợt chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà nên bà C làm đơn được UBND phường xác minh niêm yết tại địa phương và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Nên đây là tài sản riêng của bà C, không đồng ý chia di sản thừa kế. Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Việt – Nhật số 0324/22/CT-VNJP ngày 24/3/2022 phía bị đơn thống nhất và không yêu cầu định giá lại.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S là bà Nguyễn Sỹ K trình bày:*

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông S bà thống nhất với ý kiến của phía nguyên đơn. Thống nhất với Chứng thư thẩm định giá của Công

ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư V số 0324/22/CT-VNJP ngày 24/3/2022 và không yêu cầu định giá lại.

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn D là ông Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:* Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Thống nhất với Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư V số 0324/22/CT-VNJP ngày 24/3/2022 và không yêu cầu định giá lại.

** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tăng Ngọc B và bà Nguyễn Thị Thanh T:* Bà B và bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng có ý kiến thống nhất ý kiến nguyên đơn và nhường quyền và suất thừa kế cho bà Nguyễn Thị H.

-Tại bản án dân sự sơ thẩm số 307/2024/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận N đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Thành L (người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn D) về việc chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Y.

1.1 Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Y để lại đối với phần diện tích đất 31,2m^2 thửa đất số 57, tờ bản đồ số 65 toạ lạc tại địa chỉ số 56/31/5 đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 43/2004, do Uỷ ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp ngày 12/7/2004 cho bà Nguyễn Thị Ngọc C.

1.2 Ghi nhận sự nguyện của bà Tăng Ngọc B và bà Nguyễn Thị Thanh T tặng cho lại phần di sản thừa kế được hưởng cho bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Ngọc P tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Nguyễn Thành L.

1.3 Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc C có nghĩa vụ thanh toán cho những người thuộc hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị Y như sau: bà Nguyễn Thị H được nhận là 03 phần 128.881.800 đồng x 3 = 386.645.400 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc C, ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Thành L (ông Luân nhận phần của ông Nguyễn Văn D) mỗi người được nhận 01 kỷ phần là 128.881.800 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thanh H (ông H và bà H nhận phần của bà Nguyễn Thị Ngọc N cùng nhận một phần di sản thừa kế có giá trị là 128.881.800 đồng (mỗi người 64.440.900 đồng).

1.4 Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.5 Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc C không đồng ý hoàn lại giá trị như trên cho các đồng thừa kế khác thì buộc bà C phải có nghĩa vụ giao lại di

sản là quyền sử dụng đất tại số 56/31/5 đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ để phát mãi thi hành án, chia đều giá trị cho các đồng thừa kế khác.

2. Công nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 31,2m^2 thửa đất số 57, tờ bản đồ số 65 toạ lạc tại địa chỉ số 56/31/5 đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 43/2004, do Uỷ ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp ngày 12/7/2004 cho bà Nguyễn Thị Ngọc C.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế khác bà Nguyễn Thị Ngọc C được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký chỉnh lý biến động về quyền sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Đình chỉ yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 43/2004, do Uỷ ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp ngày 12/7/2004 cho bà Nguyễn Thị Ngọc C.

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 19.300.000 đồng. Di sản được chia thành 07 phần bằng nhau nên tất cả cùng phải chịu chi phí như nhau là: 19.300.000 đồng/7 = 2.757.142 đồng. Do bà B và bà T nhường phần di sản được hưởng cho bà H nên bà H phải chịu phần chi phí này. Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng nên các đương sự khác phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn S được miễn toàn bộ án phí phải chịu.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 19.332.270 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.786.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004871 ngày 24/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ, bà H phải nộp thêm 17.546.270 đồng.

- Ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Ngọc C mỗi người phải chịu 6.444.090 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thanh H chịu 6.444.090 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000523 ngày 09/5/2022 và số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng ông Hùng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000522 ngày 09/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ, bà H và ông Hùng phải nộp thêm 3.944.090 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 08/10/2024, bị đơn cho rằng nhà là do bị đơn nhờ mẹ mua. Khi được cấp giấy đỏ thì thủ tục đã được niêm yết công khai. Em của bà là ông Nguyễn Văn D làm cán bộ phường nên biết rõ mà không khiếu nại. Chính quyền địa phương lúc đó cũng đã xác nhận mẹ của bị đơn cho bị đơn nhà là sự thật và không tranh chấp. Bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 03/10/2024, ông S và bà H cho rằng, ông bà là người cao tuổi nên được miễn án phí, đề nghị Toà án cấp sơ thẩm sửa bản án về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Bà H giữ nguyên kháng cáo. Ông S rút lại kháng cáo. Các bên không thoả thuận được việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng, ông S đã được Toà án sơ thẩm miễn án phí, tại phiên toà, ông S đã rút kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông S. Bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí, đề nghị sửa nghĩa vụ chịu án phí của bà H. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, mặc dù bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng căn cứ vào các tài liệu đã thẩm tra cho thấy, bà C không chứng minh được việc bà Y tặng cho quyền sử dụng đất nên việc bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Toà án sơ thẩm đã chia thừa kế là đúng pháp luật nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp về thừa kế. Toà án nhân dân quận N đã thụ lý là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại đơn đề nghị thu thập chứng cứ kèm theo đơn kháng cáo, phía bà C cho rằng Toà án cấp sơ thẩm đưa Uỷ ban nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia tố tụng nhưng cơ quan này không có ý kiến gì về việc cấp giấy. Hồ sơ thể hiện, tại Công văn 3095/VPUB-KT ngày 05/8/2020, Uỷ ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ phúc đáp yêu cầu của Toà án theo quy định làm việc của Uỷ ban. Tại Công văn số 2330/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 12/8/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ đã trả lời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C là đúng thẩm quyền. Do vậy, người đại diện theo uỷ quyền của bà C cho rằng, Uỷ ban nhân dân thành phố Cần Thơ chưa có ý kiến là không đúng hồ sơ vụ án.

[3] Theo kháng cáo, bà C cho rằng bà là người nhờ bà Y mua nhà. Bà Y đã tặng cho bà căn nhà này. Lời khai của bà C không có chứng cứ chứng minh. Bà cho rằng, khi được cấp giấy, cơ quan có thẩm quyền đã thông báo công khai nên cho rằng bà mới là người có quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thông báo công khai là trình tự về mặt thủ tục. Còn về nội dung, bà cần chứng minh bằng chứng cứ về sự kiện tặng cho.

[4] Căn cứ Tờ thoả thuận sửa nhà ngày 30/01/1999 cho thấy, bà C được quyền sửa nhà và sử dụng căn nhà để ở. Quyền sử dụng đất vẫn thuộc quyền của ông T, bà Y. Nếu sự thật căn nhà và đất là của bà C thì không nhất thiết phải lập Tờ thoả thuận đó, bà C cũng hoàn toàn có thể thực hiện việc chuyển tên quyền sử dụng đất khi bà Y còn sống. Do vậy, Toà án sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất là di sản do ông T, bà Y để lại là có căn cứ theo Điều 612 Bộ luật dân sự và phù hợp sự thật vụ án.

[5] Hồ sơ thể hiện, ông T và bà Y có 09 người con. Trong đó, có người chết trước, có người chết sau. Toà án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kết được hưởng di sản là đúng quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự.

[6] Ông T, bà Y chết không để lại di chúc nên di sản được chia theo pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật dân sự. Do di sản không thể chi bằng hiện vật nên Toà án cấp sơ thẩm chia giá trị là đúng quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự.

[7] Từ những nhận định trên cho thấy, kháng cáo của bà C là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, bà C cho rằng nếu phải chia thừa kế thì bà không có khả năng chi trả, đề nghị giao nhà đất lại cho anh chị em và bà nhận phần tiền, bà yêu cầu tính thêm công sức giữ gìn, bảo vệ tài sản. Các đương sự còn lại cũng xác định không có khả năng chi trả nên đề nghị phát mãi tài sản để phân chia. Do vậy, di sản cần được phát mãi để phân chia nhằm đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

[8] Xét thấy, bà C là người trực tiếp nuỗi dưỡng, chăm sóc bà Y. Thời gian bà C đã giữ gìn tài sản từ ngày bà Y mất đến nay là hơn 15 năm. Với điều kiện đó, yêu cầu của bà C về việc được hưởng công sức giữ gìn di sản là có căn cứ để chấp nhận. Trong trường hợp này, Hội đồng xét xử xác định công sức giữ gìn di sản là 10% giá trị quyền sử dụng đất đã định giá.

[9] Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì bà H và ông S là người cao tuổi nên được miễn án phí. Kháng cáo của bà H được chấp nhận. Đối với ông S, bản án sơ thẩm đã miễn án phí cho ông và tại phiên toà ông S đã rút lại kháng cáo nên Toà án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông S.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định đã viện dẫn trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và yêu cầu độc lập các ông bà: Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Thành L:

Phát mãi quyền sử dụng đất và căn nhà tại số 56/31/5 đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 43/2004, do Uỷ ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp ngày 12/7/2004 cho bà Nguyễn Thị Ngọc C. Sau khi trừ các chi phí, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, giá trị phát mãi được phân chia như sau:

1.1.Bà Nguyễn Thị Ngọc C được nhận giá trị của công trình xây dựng trên đất, nhà và 10% giá trị quyền sử dụng đất.

1.2.Giá trị quyền sử dụng đất còn lại được chia thành 7 phần bằng nhau, chia như sau:

-Bà Nguyễn Thị H được nhận ba phần.

-Bà Nguyễn Thị Ngọc C được nhận một phần.

-Ông Nguyễn Văn S được nhận một phần.

-Ông Nguyễn Thành L được nhận một phần.

-Ông Nguyễn Thanh H được nhận ½ phần.

-Bà Nguyễn Thị Ngọc H được nhận ½ phần.

2.Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 43/2004, do Uỷ ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp ngày 12/7/2004 cho bà Nguyễn Thị Ngọc C.

3.Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S.

4.Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

-Bà Nguyễn Thị Ngọc C hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.757.142 đồng.

-Ông Nguyễn Văn S hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.757.142 đồng.

-Ông Nguyễn Thành L hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.757.142 đồng.

-Bà Nguyễn Thị Ngọc H hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.757.142 đồng.

-Ông Nguyễn Thanh H hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.757.142 đồng.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H được nhận lại 1.786.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004871 ngày 24/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

-Ông Nguyễn Thành L phải chịu 5.799.681 đồng.

-Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 2.899.840 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí (1.250.000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000523 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N thành án phí, bà H còn phải nộp thêm 1.649.840 đồng.

-Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 2.899.840 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí (1.250.000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000522 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N thành án phí, ông H còn phải nộp thêm 1.649.840 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận N
- THADS quận N
- Lưu hồ sơ vụ án.

đã ký

Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**